

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 22/05/2023

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		VSP02+GTCL1+CTCL	7:25	18+0+4	0+0+0		12+0+10	0+0+0	Chuyen2 GTCL-CTCL
2		RC6+RP1	7:25	7+15	0+0		3+19	0+0	
3		RP3+RC10+BK16	9:25	22+0+0	0+0+0		21+0+1	0+0+0	chuyen 1 Rc10-BK16
4		BK14+RP1+RC5	9:25	12+0+9	0+0+0		2+10+8	0+0+0	
5		RP3+RP2+VSP02	11:25	8+1+12	0+0+0		7+1+14	0+0+0	
6		RP1+RC6+RCDM	11:25	9+0+12	0+0+0		6+4+12	0+0+0	
7		BK5+BK8+VSP02	13:25	5+11+5	0+0+0		0+0+22	0+0+0	
8		P5+RC4+RP3	13:25	5+9+8	0+0+0		3+7+12	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ 3 người đi Rc6 về trong ngày

FLIGHT MANIFEST

DATE: 22/05/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	TO: VSP02 - GTC1 - CTC1	CREW: Dương - ĐNam - HIẾU	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	IAN DIAN E	VSP02	60-61	2	20	20	90	KH-THAC	Russian
2	GURIN V.	VSP02	58	1	5		100	KH-THAC	Russian
3	NGUYỄN VĂN QUÂN	VSP02	70	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
4	HOÀNG NGỌC ĐÔNG	VSP02	68	1	7		76	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN QUANG HÙNG	VSP02	66	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN QUỐC HOÀN	VSP02	59	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN MINH DÂN	VSP02	67	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
8	NGÔ ĐỨC TRI	VSP02	76	1	6		59	KH-THAC	Vietnamese
9	HỒ BÌNH TRỌNG	VSP02	73	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese
10	NGÔ DUY KHIÊM	VSP02	62-63	2	15		72	YTE	Vietnamese
11	TRẦN NGỌC TỬ	VSP02	64	1	3		84	PSV	Vietnamese
12	ĐẶNG NHẬT MINH	VSP02	65	1	4		80	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN LÊ MINH TUÂN	VSP02	71	1	10		95	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN TRỌNG TÂN	VSP02	81	1	5		86	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐẶNG VIỆT THANH	VSP02	78	1	8		64	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN GIA LONG	VSP02	72	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐÌNH TRƯỞNG PHI	VSP02	74-75	2	18		75	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN ĐỨC	CTC1	02	1	12	85	77	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN THANH TÂM	CTC1	05	1	15		78	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN QUỐC TRI	CTC1	03	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN QUỐC HÙNG	CTC1	01	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

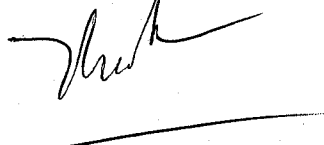
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP02	17	20	131	1.297	20	12		CHUYEN 2 PAX GTC1-CTC1
2	GTC1	0	0	0	0	0	0	2	
3	CTC1	4	4	47	295	85	10		
TOTAL		21	24	178	1.592	105	22		
WEIGHT KG				178	1.592	105			

GRAND TOAL: 1.875 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 22/05/2023	TO: RC6 - RP1	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: HUNG - NPhú - MQUÂN	ETA: 09:25
CAM-1			

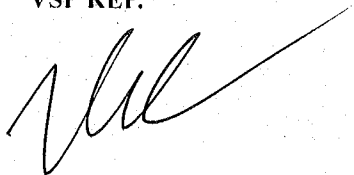
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VŨ MINH PHƯƠNG	RC6					72	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN QUANG THẮNG	RC6				30	70	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐÀO TRUNG KIẾN	RC6	24	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN THẾ ANH	RC6	27	1	6		68	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ ĐỨC THIÊN	RC6	28	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
6	HOÀNG VĂN TRƯỞNG	RC6	26	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN NGỌC LINH	RC6	25	1	5		85	KH-THAC	Vietnamese
8	TSOPANOV A.	RP1	54	1	5		82	KH-THAC	Russian
9	KOROGLUEV R	RP1	55	1	7		75	KH-THAC	Russian
10	ĐẶNG KHÔI NGUYỄN	RP1	47-48	2	18		70	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN VIỆT THANH	RP1					75	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ MẠNH HÙNG	RP1	46	1	5		85	KH-THAC	Vietnamese
13	TẠO QUANG NGÂN	RP1	57-58	2	15		55	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN TÂM	RP1	51	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
15	PHƯƠNG VĂN MINH	RP1	52-53	2	19		70	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN BÁC HÀ	RP1	45	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐINH VĂN MẠNH	RP1	50	1	3		80	KH-THAC	Vietnamese
18	HOÀNG ĐÌNH BA	RP1	42	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐÀO QUỐC UY	RP1	43-44	2	12	10	84	YTE	Vietnamese
20	TRẦN QUANG TÙNG	RP1					70	KH-THAC	Vietnamese
21	PHAN CÔNG TOÀN	RP1	56	1	5		90	KH-THAC	Vietnamese
22	TRẦN MINH HIẾU	RP1	59	1	2		57	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

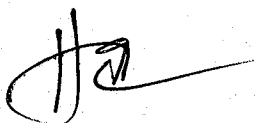
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC6	7	5	26	505	30	3		
2	RP1	15	17	106	1.108	10	19		
TOTAL		22	22	132	1.613	40	22		
WEIGHT KG				132	1.613	40			

GRAND TOAL: 1.785 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 22/05/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
FLIGHT: 3	TO: RP3 - RC10 - BK16	CREW: Dương - ĐNam - HIẾU	ETA: 11:40
xanh 2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN THÀNH TRUNG	RP3	68	1	5	60	75	KH-THAC	Vietnamese
2	BUI VĂN THANH	RP3	58	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese
3	BUI ANH SON	RP3	59	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM QUANG TRUNG	RP3	53	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
5	VÕ TÂN CHÂU	RP3	62	1	6	20	80	KH-THAC	Vietnamese
6	MAI NGOC THIET	RP3	69	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN CÔNG	RP3	57	1	7		68	KH-THAC	Vietnamese
8	TRƯƠNG VĂN THƯƠNG	RP3	61	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐỖ DUY TIỀN	RP3	70	1	8		82	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAN THANH CÔNG	RP3	72	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN TỰ HAI	RP3	54	1	2		55	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN VĂN MINH	RP3	64	1	8		90	YTE	Vietnamese
13	NGUYỄN TRỌNG HAI	RP3					87	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN DOÀN THANH	RP3	63	1	4		71	KH-THAC	Vietnamese
15	VŨ THĂNG	RP3	71	1	9		88	KH-THAC	Vietnamese
16	PHẠM VĂN ANH	RP3	55	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
17	LUƠNG QUANG THƯƠNG	RP3	56	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN TIỀN	RP3	60	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
19	HOÀNG XUÂN HÙNG	RP3					66	KH-THAC	Vietnamese
20	LÊ ĐỨC HUY	RP3	65	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
21	VŨ THANH LONG	RP3	52	1	8		90	KH-THAC	Vietnamese
22	LÊ ĐỨC OANH	RP3					67	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

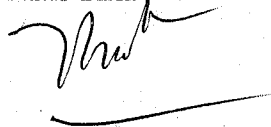
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	22	19	108	1.587	80	21		CHUYỂN 1 PAX RC10-BK16
2	RC10	0	0	0	0	35	0		
3	BK16	0	0	0	0	12	1		
TOTAL		22	19	108	1.587	127	22		
WEIGHT KG				108	1.587	127			

GRAND TOAL: 1.822 KGS

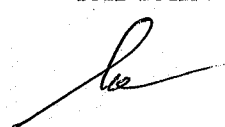
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 22/05/2023	TO: BK14 - RP1 - RC5	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:55
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: HUNG - NPhú - MQUÂN	ETA: 11:45
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN TRUNG CHINH	BK14	33	1	15	30	86	XAYLAP	Vietnamese
2	TRAN HUY ANH	BK14	21	1	10	13	90	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYEN VAN THE	BK14	18	1	10		62	XAYLAP	Vietnamese
4	LE DINH NINH	BK14	32	1	14		70	XAYLAP	Vietnamese
5	PHUNG VAN DIEN	BK14	19-20	2	19		73	XAYLAP	Vietnamese
6	TRAN MINH TAI	BK14	27	1	11		65	XAYLAP	Vietnamese
7	LUONG MINH HIỆP	BK14	35-36	2	20		90	XAYLAP	Vietnamese
8	LE SON	BK14	25-26	2	16		70	XAYLAP	Vietnamese
9	MAI VO TRUONG GIANG	BK14	23-24	2	14		65	XAYLAP	Vietnamese
10	PHAM HONG VU	BK14	30	1	10	14	45	XAYLAP	Vietnamese
11	LE VAN NHAN	BK14	28-29	2	15		72	XAYLAP	Vietnamese
12	PHAM NGOC NINH	BK14	34	1	5		75	PSV	Vietnamese
13	NGUYEN TAN PHONG	RC5	48	1	8	45	64	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN ANH TUAN	RC5	57-58	2	19		74	KH-THAC	Vietnamese
15	KURPASOV	RC5	51	1	5		70	KH-THAC	Russian
16	TRINH VAN TIEN	RC5	56	1	4		85	KH-THAC	Vietnamese
17	LE VAN TRUNG	RC5	52	1	8		83	KH-THAC	Vietnamese
18	PHAM HOANG TUNG	RC5	53-54	2	11		70	KH-THAC	Vietnamese
19	BUI DUC KHANH	RC5	55	1	5		56	PSV	Vietnamese
20	DINH VAN LUU	RC5	49	1	5		52	PSV	Vietnamese
21	LE DAC NHA	RC5	50	1	5		64	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

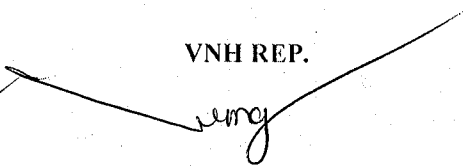
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK14	12	17	159	863	57	2		
2	RP1	0	0	0	0	0	10		
3	RC5	9	11	70	618	45	8		
TOTAL		21	28	229	1.481	102	20		
WEIGHT KG				229	1.481	102			

GRAND TOAL: 1.812 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN




FLIGHT MANIFEST

DATE: 22/05/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:10
FLIGHT: 5	TO: RP3 - RP2 - VSP02	CREW: LTuân - MTHAO - DTùng	ETA: 14:00
CAM-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOANG VAN HIEN	RP3	0802-0803	2	12		55	KH-THAC	Vietnamese
2	BUI ĐỨC THUẬN	RP3	801	1	5	20	65	KH-THAC	Vietnamese
3	NGO VAN TUAN	RP3	800.02	2	10		82	XAYLAP	Vietnamese
4	PHAM VAN VUI	RP3	06-07	2	15		62	XAYLAP	Vietnamese
5	BUI VAN CHUNG	RP3	10-11	2	15		70	XAYLAP	Vietnamese
6	LE NHAT TAM	RP3	01	1	5		65	XAYLAP	Vietnamese
7	LE VIET HUY	RP3	08-09	2	15		65	XAYLAP	Vietnamese
8	CU VIET LONG	RP3	04-05	2	15		66	XAYLAP	Vietnamese
9	HOANG VIET ANH	RP2	90	1	5	50	65	PSV	Vietnamese
10	PHAM NGOC THACH	VSP02	54	1	5		56	KH-THAC	Vietnamese
11	PHAN VIET QUANG	VSP02	56-57	2	15		75	KH-THAC	Vietnamese
12	NGO ĐỨC CHU	VSP02	60	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN QUOC CHIEN	VSP02	55	1	7		82	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN TRONG CUONG	VSP02	58	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN XUAN QUANG	VSP02	62	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
16	PHAM HUU DAT	VSP02	64	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
17	DO VAN PHU	VSP02	61	1	4	5	68	KH-THAC	Vietnamese
18	ROGINSKIY DMITRY	VSP02	50	1	15		90	ANTOAN	Russian
19	NGUYEN VAN KHUONG	VSP02	52-53	2	16		65	PSV	Vietnamese
20	DOAN VAN DU	VSP02	63	1	10		66	PSV	Vietnamese
21	LE NGOC HUNG	VSP02	65	1	5		52	PSV	Vietnamese
22	HO MINH PHUC	VSP02	59	1	5		80	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	8	14	92	530	20	7		
2	RP2	1	1	5	65	50	1		
3	VSP02	13	15	101	919	5	14		
TOTAL		22	30	198	1.514	75	22		
WEIGHT KG				198	1.514	75			

GRAND TOAL: 1.787 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 22/05/2023	TO: RP1 - RC6 - RCDM	AIRCRAFT: 426	ETD: 12:15
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: Linh - N.ANH - THU	ETA: 14:05
vang-3			

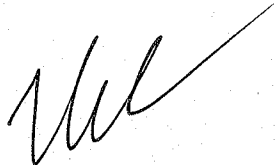
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN TRƯỜNG GIANG	RP1	68	1	5		90	KH-THAC	Vietnamese
2	PHAN THANH CÔNG	RP1					60	KH-THAC	Vietnamese
3	HOÀNG THE ANH	RP1	69	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM VĂN THUY	RP1	61-62	2	10		60	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN BA QUÝ	RP1	70	1	3		67	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN PHI KHAI HOÀN	RP1	66	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
7	HOÀNG VĂN SƯU	RP1	60	1	7		72	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ ĐÌNH THẮNG	RP1	63	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN TRỌNG HIỆU	RP1	67	1	8		59	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN DUY HUNG	RCDM	23-24	2	16		71	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ QUANG TIẾN	RCDM	18-19	2	10		63	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐÌNH VĂN CÔNG	RCDM	07	1	3		82	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN KIỂM BẠC	RCDM	05-06	2	19		70	KH-THAC	Vietnamese
14	BUI MINH HIỆU	RCDM	21-22	2	20		97	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN HỮU HẠNH	RCDM	16-17	2	15		63	XAYLAP	Vietnamese
16	VU HONG PHONG	RCDM	25-26	2	15	20	60	XAYLAP	Vietnamese
17	BUI CÔNG ĐỊNH	RCDM	09-10	2	20		108	XAYLAP	Vietnamese
18	CHU HAI MINH	RCDM	15	1	17		60	XAYLAP	Vietnamese
19	HOÀNG VĂN DƯƠNG	RCDM	11-12	2	20		55	XAYLAP	Vietnamese
20	VŨ VIỆT HOÀNG	RCDM	13-14	2	17		58	XAYLAP	Vietnamese
21	PHẠM VĂN HUÂN	RCDM	20	1	5		70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

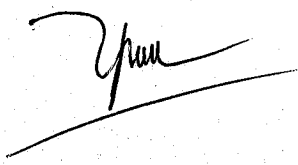
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP1	9	9	53	617	0	6		
2	RC6	0	0	0	0	0	4		
3	RCDM	12	21	177	857	20	12		
TOTAL		21	30	230	1.474	20	22		
WEIGHT KG				230	1.474	20			

GRAND TOAL: 1.724 KGS

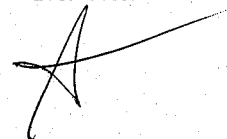
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 22/05/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 14:30
FLIGHT: 7	TO: BK5 - BK8 - VSP02	CREW: LTuấn - MTHAO - DTùng	ETA: 16:20
TRANG-4			

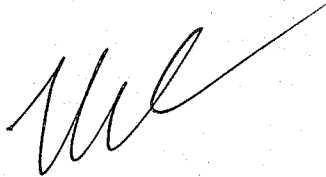
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐOÀN TRỌNG TƯỜNG	BK5	11	1	15		82	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN TRỌNG BẢNG	BK5	07	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
3	VŨ XUÂN TÂM	BK5	05	1	14	10	66	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ BA HOÀ	BK5	10	1	17		72	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ ANH TUẤN	BK5	08-09	2	14		74	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN QUANG MINH	BK8	67	1	12		90	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN XUÂN THẮNG	BK8	39-40	2	7	20	55	XAYLAP	Vietnamese
8	TRẦN NGỌC ĐĂNG	BK8	43	1	10	20	70	XAYLAP	Vietnamese
9	HOÀNG VĂN HẢO	BK8	65	1	10		74	XAYLAP	Vietnamese
10	ĐẶNG TÔ HIỆU	BK8	42	1	20	25	79	XAYLAP	Vietnamese
11	LÊ ANH DŨNG	BK8	68	1	13		71	XAYLAP	Vietnamese
12	ĐỖ VĂN HUYỀN	BK8	99	1	10	12	81	XAYLAP	Vietnamese
13	ĐỖ DUY	BK8	66	1	10		57	PSV	Vietnamese
14	HOÀNG VĂN TRUNG	VSP02	79-80	2	5		81	PSV	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN TUẤN	VSP02	85	1	5		77	PSV	Vietnamese
16	NGUYỄN HỒNG DƯƠNG	VSP02	83	1	5		60	PSV	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN HƯƠNG	VSP02	82	1	5		60	PSV	Vietnamese
18	KIỆU MINH QUYẾT	VSP02	84	1	6		64	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK5	5	6	65	364	10	0		
2	BK8	8	9	92	577	77	0		
3	VSP02	5	6	26	342	0	22		
TOTAL		18	21	183	1.283	87	22		
WEIGHT KG				183	1.283	87			

GRAND TOAL: 1.553 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 22/05/2023	TO: P5 - RC4 - RP3	AIRCRAFT: 426	ETD: 14:35
FLIGHT: 8	FROM: VT	CREW: Linh - N.ANH - THỤ	ETA: 16:25
HONG-4			

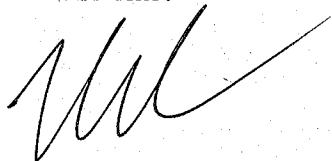
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN QUANG TUYEN	P5	91-92	2	20	30	62	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN THE HANH	P5	95	1	13		68	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN QUY TAI	P5	86	1	11		56	KH-THAC	Vietnamese
4	TRAN TRONG SON	P5	96	1	7		78	KH-THAC	Vietnamese
5	VU VAN LINH	P5	93-94	2	20	21	69	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN TRONG MINH	RC4	13	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
7	DANG MINH DUNG	RC4					75	KH-THAC	Vietnamese
8	LE HAI ANH	RC4	11-12	2	14		72	KH-THAC	Vietnamese
9	PHAN NGOC TUAN	RC4	14	1	10		53	KH-THAC	Vietnamese
10	TRAN DAC BINH	RC4	06	1	5		96	XAY LAP	Vietnamese
11	TRAN VAN LINH	RC4	10	1	5		80	XAY LAP	Vietnamese
12	NGUYEN DUC HANH	RC4	50	1	9		55	XAY LAP	Vietnamese
13	TRAN DUC HUNG	RC4	08	1	6		65	XAY LAP	Vietnamese
14	MAI VAN TUONG	RC4	07	1	3		65	PSV	Vietnamese
15	HOA QUANG THANG	RP3	21-22	2	12		64	XAY LAP	Vietnamese
16	NGUYEN THANH HA	RP3	14	1	4		62	PSV	Vietnamese
17	HOANG VAN VAN	RP3	23	1	6		75	PSV	Vietnamese
18	DINH NGOC CHINH	RP3	17-18	2	13		70	BIEN DONG	Vietnamese
19	PHAN VAN BEN	RP3	15-16	2	15		70	BIEN DONG	Vietnamese
20	DANG HAI DUONG	RP3	26	1	8		62	BIEN DONG	Vietnamese
21	TRAN VAN THIEN	RP3	19-20	2	10		65	BIEN DONG	Vietnamese
22	HOANG CONG LINH	RP3	13	1	12	40	62	BIEN DONG	Vietnamese

FLIGHT PLAN

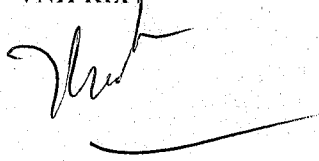
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P5	5	7	71	333	51	3		
2	RC4	9	9	57	623	0	7		
3	RP3	8	12	80	530	40	12		
TOTAL		22	28	208	1.486	91	22		
WEIGHT KG				208	1.486	91			

GRAND TOAL: 1.785 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN

